

Số: 194/BC-UBND

Tân Kỳ, ngày 12 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã Tân Kỳ

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất sau 01 năm 06 tháng triển khai

Nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có sự chuyển biến rõ nét. Từ chỗ chuyển đổi số chủ yếu tập trung ở khối cơ quan nhà nước, đến nay đã lan tỏa sâu rộng đến các trường học, trạm y tế, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư thông qua hoạt động của 25 Tổ công nghệ số cộng đồng.

Chính quyền số từng bước được hình thành. 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, thư điện tử công vụ và chữ ký số; tỷ lệ văn bản điện tử đạt trên 98%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 99,77%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99%.

Hạ tầng số được đầu tư đồng bộ. Địa bàn không còn vùng lõm sóng viễn thông; 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính làm việc; 23/23 cụm loa truyền thanh được vận hành trên nền tảng công nghệ thông tin IP; Trung tâm Phục vụ hành chính công được trang bị thiết bị KIOSK lấy số tự động phục vụ người dân.

Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng. Xã đã tổ chức 04 lớp tập huấn với khoảng 900 lượt người tham gia; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng số đạt 100%; kỹ năng số của người dân từng bước được nâng cao.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) bước đầu được triển khai trong hoạt động công vụ. Cán bộ, công chức đã sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ tổng hợp số liệu, soạn thảo văn bản, xây dựng báo cáo và tham mưu, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc.

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm đầu năm 2025

- Đầu năm 2025 chuyển đổi số chủ yếu tập trung vào việc triển khai các nền tảng dùng chung thì đến nay xã Tân Kỳ đã chuyển từ giai đoạn “ứng dụng công nghệ thông tin” sang “vận hành chính quyền trên môi trường số”. Các quy trình xử lý công việc cơ bản được số hóa; dữ liệu dân cư, hồ sơ thủ tục hành chính và các nền tảng số được khai thác thường xuyên trong công tác quản lý, điều hành.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn chủ yếu ở quy mô hộ gia đình; chưa hình thành các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; việc liên kết sản xuất, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, truy xuất nguồn gốc và chế biến sản phẩm còn hạn chế.

- Chưa có mô hình đổi mới sáng tạo tiêu biểu trong sản xuất nông nghiệp, OCOP hoặc kinh doanh.

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ chủ yếu dừng ở mức tiếp nhận, chưa có sáng kiến hoặc đề tài khoa học cấp cơ sở. Việc ứng dụng thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên các nền tảng số của các hộ sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn hạn chế. Số lượng sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo được áp dụng trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống chưa áp dụng hiệu quả vào thực tiễn; sự liên kết giữa chuyển đổi số với phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo chưa thực sự rõ nét.

- Hạ tầng công nghệ thông tin mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu chuyển đổi số tại cơ sở, một số khối, xóm còn thiếu trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyển đổi số.

- Kỹ năng số và khả năng tiếp cận công nghệ của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi còn hạn chế; việc khai thác các nền tảng số, dịch vụ số và tiện ích số chưa thực sự thường xuyên. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý, điều hành và thực thi công vụ mới ở giai đoạn đầu, chủ yếu phục vụ hỗ trợ xử lý công việc, chưa hình thành các mô hình ứng dụng chuyên sâu.

4. Mô hình phát triển mới bước đầu hình thành

Mô hình “Chính quyền số - Công dân số - Xã hội số” bước đầu được hình thành trên địa bàn xã. Chính quyền vận hành trên nền tảng số; người dân từng bước sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong đời sống; các tổ chức đoàn thể triển khai các mô hình như “Chi hội phụ nữ số”, “Tổ công nghệ số cộng đồng”.

II. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Mô hình triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”

1.1. Vấn đề giải quyết:

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân còn hạn chế, nhất là người cao tuổi, người dân ở khu vực nông thôn. Việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, các nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chuyển đổi số tại cơ sở.

1.2. Giải pháp triển khai:

Thực hiện Kế hoạch của Chính phủ và tỉnh Nghệ An về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, UBND xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai trên địa bàn; đồng thời tổ chức phát động, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ban, ngành, đoàn thể và các khối, xóm tổ chức thực hiện. Xã đã huy động sự tham gia của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và các lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận kỹ năng số cơ bản. Bên cạnh đó, địa phương tổ chức các lớp tập huấn trực tiếp kết hợp hướng dẫn thực hành trên nền tảng Bình dân học vụ số, tập trung vào các nội dung như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử VNeID, an toàn thông tin và ứng dụng AI trong công việc.

1.3. Kết quả đạt được:

Trong thời gian qua, xã đã tổ chức 04 lớp tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo với khoảng 900 lượt cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ khối xóm và người dân tham gia. Duy trì hoạt động thường xuyên của 25 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các khối, xóm, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số. 100% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và ứng dụng công nghệ số trong thực hiện nhiệm vụ; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và ứng dụng VNeID ngày càng tăng.

1.4. Tác động và khả năng lan tỏa:

Phong trào “Bình dân học vụ số” đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và kỹ năng số của cán bộ và Nhân dân, góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng chính quyền số, công dân số và xã hội số trên địa bàn. Người dân từng bước chủ động tiếp cận các dịch vụ số, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Đây là mô hình có tính thiết thực, dễ triển khai, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong thời gian tới.

2. Mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công số

2.1. Vấn đề giải quyết:

- Trước yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân vẫn còn những khó khăn nhất định như thời gian chờ đợi, việc đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ, thanh toán lệ phí bằng tiền mặt và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều. Điều này đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương thức phục vụ theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm.

2.2. Giải pháp triển khai:

UBND xã đã tập trung xây dựng mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công số gắn với chuyển đổi số toàn diện trong giải quyết thủ tục hành chính. Địa phương đã đầu tư, đưa vào sử dụng hệ thống KIOSK lấy số thứ tự tự động; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Đồng thời, bố trí cán bộ trực tiếp hướng dẫn người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và khai thác các tiện ích số, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ tại bộ phận một cửa.

2.3. Kết quả đạt được:

Đến nay, 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được tiếp nhận trên môi trường điện tử; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 99,77%; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99%. Việc ứng dụng công nghệ số trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đã góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thời gian xử lý hồ sơ và hạn chế tối đa việc sử dụng giấy tờ trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

2.4. Tác động và khả năng lan tỏa:

Mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công số đã tạo chuyển biến rõ nét trong chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Người dân được hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện, giảm thời gian đi lại, giảm chi phí thực hiện thủ tục và có thể theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ trên môi trường số. Mức độ hài lòng của người dân ngày càng được nâng cao, góp phần xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, chuyên nghiệp, hiện đại và thúc đẩy quá trình xây dựng chính quyền số tại địa phương.

3. Mô hình ứng dụng AI trong hoạt động công vụ

3.1. Vấn đề giải quyết:

Trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng lớn, yêu cầu xử lý thông tin nhanh, chính xác và kịp thời, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã phải thường xuyên thực hiện công tác tổng hợp, tham mưu, xây dựng báo cáo, văn bản chỉ đạo điều hành và xử lý nhiều nhiệm vụ cùng lúc. Trong khi đó, nguồn nhân lực còn hạn chế, đòi hỏi phải có giải pháp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động và chất lượng tham mưu.

3.2. Giải pháp triển khai:

UBND xã đã ban hành các kế hoạch triển khai chuyển đổi số, tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ cơ sở. Đồng thời khuyến khích cán bộ chủ động nghiên cứu, khai thác các nền tảng AI trong tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo, soạn thảo văn bản, chuẩn bị nội dung tuyên truyền, xây dựng kế hoạch và hỗ trợ giải quyết công việc hằng ngày. Việc ứng dụng AI được gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và nâng cao chất lượng thực thi công vụ.

3.3. Kết quả đạt được:

Đến nay, 100% cán bộ, công chức xã đã được tiếp cận, tập huấn và bước đầu sử dụng các công cụ AI trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. AI được ứng dụng trong việc tổng hợp tài liệu, xây dựng báo cáo, dự thảo văn bản, chuẩn bị nội dung hội nghị, tuyên truyền và hỗ trợ tra cứu thông tin, giúp giảm đáng kể thời gian xử lý công việc. Nhận thức về vai trò của AI trong hoạt động công vụ có sự chuyển biến tích cực, từng bước hình thành kỹ năng làm việc trên môi trường số cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

3.4. Tác động và khả năng lan tỏa:

Việc ứng dụng AI đã góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian soạn thảo văn bản, nâng cao chất lượng tham mưu và hiệu quả điều hành của chính quyền địa phương. Mô hình bước đầu tạo môi trường làm việc hiện đại, thúc đẩy tư duy đổi mới sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức và là nền tảng quan trọng để xây dựng chính quyền số, từng bước hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

1. Một số chỉ tiêu chuyển đổi số đạt cao nhưng chưa phản ánh đầy đủ mức độ sử dụng thực chất của người dân.

Mặc dù tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 99,77% và tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng, trước hạn đạt trên 99%, song trên thực tế vẫn còn một bộ phận người dân chưa chủ động thực hiện các thủ tục trên môi trường số. Nhiều trường hợp vẫn cần sự hỗ trợ trực tiếp của cán bộ tại Bộ phận Phục vụ hành chính công để hoàn thành việc nộp hồ sơ, thanh toán trực tuyến và sử dụng các tiện ích số. Điều này cho thấy việc hình thành kỹ năng số và thói quen sử dụng dịch vụ số trong cộng đồng dân cư vẫn cần thêm thời gian và giải pháp hỗ trợ đồng bộ.

2. Dữ liệu chuyên ngành chưa được liên thông, đồng bộ và khai thác hiệu quả.

Hiện nay địa phương đã thực hiện số hóa hồ sơ, ứng dụng các nền tảng số dùng chung và khai thác dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, đất đai, an sinh xã hội vẫn chưa được xây dựng đầy đủ, chưa bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”. Việc chia sẻ, kết nối và khai thác dữ liệu phục vụ công tác dự báo, quản lý, điều hành còn hạn chế, chưa phát huy được vai trò của dữ liệu như một nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

3. Chưa hình thành được sản phẩm khoa học công nghệ hoặc mô hình đổi mới sáng tạo mang tính đặc trưng của địa phương. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn chủ yếu tập trung vào cải cách hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước và một số mô hình sản xuất nhỏ lẻ. Đến nay chưa có mô hình nông nghiệp số, nông nghiệp công nghệ cao hoặc sản phẩm đổi mới sáng tạo tiêu biểu có khả năng nhân rộng và tạo sức lan tỏa trong cộng đồng. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế.

4. Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số còn thấp. Nguồn lực đầu tư của địa phương chủ yếu tập trung cho các nhiệm vụ thường xuyên như duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, trang bị máy tính, đường truyền internet và các nền tảng dùng chung. Kinh phí dành cho xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, triển khai các mô hình đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến khả năng triển khai các nhiệm vụ mang tính đột phá theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Khuyến khích tinh thần học tập, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác, sản xuất và đời sống.

2. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế địa phương

Tăng cường chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; khuyến khích áp dụng giống mới, quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ tưới tiết kiệm, sản xuất an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm.

3. Khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo trong cán bộ, công chức và Nhân dân

Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống. Khuyến khích cán bộ, công chức ứng dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả công việc; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế số.

4. Xây dựng và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung số hóa hồ sơ, tài liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ công tác dự báo, hoạch định chính sách và hỗ trợ ra quyết định, từng bước hình thành phương thức quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu.

5. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới trong hoạt động công vụ

Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng ứng dụng AI cho cán bộ, công chức; khuyến khích sử dụng AI trong tổng hợp thông tin, xử lý dữ liệu, xây dựng báo cáo và tham mưu nhiệm vụ. Từng bước nghiên cứu áp dụng các giải pháp AI vào cải cách hành chính, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin.

6. Phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có kiến thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số, kỹ năng khai thác dữ liệu và sử dụng các công cụ AI cho cán bộ, công chức, viên chức; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân.

7. Huy động các nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức để đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số tại địa phương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của xã Tân Kỳ.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (b/c);
- TT Đảng ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (b/c);
- UBNDTTQ xã (p/h);
- Các phòng, ban UBND xã;
- Công an xã;
- Các trường học, Trạm y tế trên địa bàn;
- Lưu VT, VHTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Huy Toàn